

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2019

“Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nghi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Liêm;

Ông Dương Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đặng Thanh N, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tam H, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tam H, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

*Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 01 tháng 3 năm 2019 ông Đặng Thanh N trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay ông xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà L có 03 người con chung tên Đặng Thúy D, sinh năm 1993, Đặng Trung T1, sinh năm 1996 và Đặng Trung T2, sinh ngày 20/6/2001. Sau khi ly hôn người con chung tên Đặng Trung T2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng. Đối với con chung tên Đặng Thúy D, Đặng Trung T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại biên bản hòa giải ngày 01 tháng 3 năm 2019 và đơn xin vắng mặt bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Thanh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay ông N yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 03 người con chung tên Đặng Thúy D, sinh năm 1993, Đặng Trung T1, sinh năm 1996 và Đặng Trung T2, sinh ngày 20/6/2001. Sau khi ly hôn người con chung tên Đặng Trung T2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng. Đối với con chung tên Đặng Thúy D, Đặng Trung T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại đơn nguyện vọng ngày 04 tháng 3 năm 2019 người con chung tên Đặng Trung T2 trình bày:* Sau khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị L.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Giao người con chung tên Đặng Trung T2, sinh ngày 20/6/2001 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Thanh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị L địa chỉ cư trú: Ấp Tam H, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông N, bà L.

[2] Về hôn nhân: Ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông N và bà L là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị L 03 người con chung tên Đặng Thúy D, sinh năm 1993, Đặng Trung T1, sinh năm 1996 và Đặng Trung T2, sinh ngày 20/6/2001. Sau khi ly hôn người con chung tên Đặng Trung T2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng. Đối với con chung tên Đặng Thúy D, Đặng Trung T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét. Riêng người con chung tên Đặng Trung T2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Tại đơn nguyện vọng ngày 04 tháng 3 năm 2019, người con chung của ông N, bà L có nguyện vọng được sống với bà L. Do đó giao người con chung tên Đặng Trung

T2, sinh ngày 20/6/2001 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của người con chung.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung không ai được phép cản trở ông N thực hiện quyền này.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đặng Thanh N phải chịu 300.000 đồng. Ông Đặng Thanh N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005524 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm ông Đặng Thanh N, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Đặng Trung T2, sinh ngày 20/6/2001 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của người con chung.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung không ai được phép cản trở ông N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đặng Thanh N phải chịu 300.000 đồng. Ông Đặng Thanh N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005524 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm ông Đặng Thanh N, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Nghi**